



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
**VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Đồng chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh  
PGS.TS. Phạm Đức Cường

Giáo trình

# NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
2020

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**



**Đồng chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh  
PGS.TS. Phạm Đức Cường**

**GIÁO TRÌNH  
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
2020**



## MỤC LỤC

<b>PHẠNG MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b>	viii
<b>PHẠNG MỤC BẢNG</b>	ix
<b>PHẠNG MỤC HÌNH</b>	xv
<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN</b>	5
1.1. Khái niệm và chức năng của kế toán	5
1.1.1. Lịch sử và sự phát triển của kế toán	5
1.1.2. Khái niệm và chức năng của kế toán	6
1.2. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán	9
1.3. Báo cáo tài chính - phương tiện kết nối với người dùng thông tin	11
1.3.1. Báo cáo kết quả kinh doanh	12
1.3.2. Báo cáo vốn chủ sở hữu	12
1.3.3. Bảng cân đối kế toán	13
1.3.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14
1.3.5. Thuyết minh Báo cáo tài chính	16
1.4. Chất lượng thông tin kế toán	16
1.5. Các yếu tố trên Báo cáo tài chính	16
1.5.1. Tài sản của doanh nghiệp	16
1.5.2. Nợ phải trả	19
1.5.3. Vốn chủ sở hữu	20
1.5.4. Doanh thu	22
1.5.5. Chi phí	23
1.6. Các giả định và nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung	23

1.7. Nghề nghiệp kế toán và đạo đức nghề nghiệp	27
1.7.1. Nghề nghiệp kế toán	27
1.7.2. Đạo đức nghề nghiệp kế toán	30
<b>Chương 2: PHÂN TÍCH NGHIỆP VỤ KINH TẾ VÀ GHI NHẬN TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	41
2.1. Khái quát chung về các nghiệp vụ kinh tế và chu trình kế toán	41
2.2. Nghiệp vụ kinh tế và sự ảnh hưởng tới phương trình kế toán	42
2.3. Tài khoản kế toán và ghi chép vào tài khoản	47
2.3.1. Tài khoản kế toán	48
2.3.2. Ghi chép vào tài khoản	56
2.4. Các bút toán điều chỉnh cuối kỳ	60
2.4.1. Sự cần thiết phải thực hiện điều chỉnh	60
2.4.2. Các bút toán điều chỉnh	61
2.5. Bảng cân đối thử	69
2.5.1. Khái niệm và mục đích lập Bảng cân đối thử	69
2.5.2. Quy trình lập Bảng cân đối thử	70
2.5.3. Hạn chế của Bảng cân đối thử	71
2.5.4. Một số cách phát hiện sai sót từ Bảng cân đối thử	72
2.6. Tổng hợp ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế tới các báo cáo tài chính	73
<b>Chương 3: KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	89
3.1. Các hoạt động kinh doanh thương mại và hệ thống quản lý hàng tồn kho	89
3.1.1. Khái quát chung về công ty thương mại	89

3.1.2. Hệ thống quản lý hàng tồn kho	90
3.2. Kế toán nghiệp vụ mua hàng và bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên	92
3.2.1. Kế toán nghiệp vụ mua hàng hóa	92
3.2.2. Kế toán nghiệp vụ bán hàng hóa	98
3.2.3. Các bút toán cuối kỳ kế toán	103
3.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	106
3.3.1. Báo cáo kết quả kinh doanh nhiều bước	107
3.3.2. Báo cáo kết quả kinh doanh một bước	111
<b>Chương 4: KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO</b>	129
4.1. Khái niệm và phân loại hàng tồn kho	129
4.2. Các phương pháp quản lý hàng tồn kho	131
4.3. Tính giá hàng tồn kho	134
4.3.1. Phương pháp giá thực tế đích danh	134
4.3.2. Các phương pháp tính giá dựa vào giá định	135
4.4. Trình tự kế toán biến động hàng tồn kho	143
4.4.1. Tài khoản sử dụng	143
4.4.2. Trình tự kế toán nghiệp vụ tăng, giảm hàng tồn kho	144
4.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	145
4.6. Trình bày thông tin hàng tồn kho trên báo cáo tài chính	145
4.6.1. Trình bày báo cáo tài chính	145
4.6.2. Gian lận và sai sót về kế toán hàng tồn kho	147
<b>Chương 5: KẾ TOÁN TÀI SẢN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>	161
5.1. Kế toán tài sản bằng tiền	161
5.1.1. Khái niệm tài sản bằng tiền	161
5.1.2. Phương pháp kế toán tài sản bằng tiền	162

5.2. Kế toán các khoản phải thu	165
5.2.1. Khái niệm các khoản phải thu	165
5.2.2. Phương pháp kế toán các khoản phải thu	166
5.2.3. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi	173
5.3. Trình bày thông tin về tài sản bằng tiền và các khoản phải thu trên Báo cáo tài chính	178
<b>Chương 6: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	189
6.1. Khái quát chung về tài sản cố định	189
6.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình	190
6.2.1. Phân loại tài sản cố định hữu hình	190
6.2.2. Xác định giá gốc của tài sản cố định hữu hình	191
6.2.3. Kế toán biến động tài sản cố định hữu hình	193
6.2.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định hữu hình	198
6.2.5. Kế toán sửa chữa tài sản cố định hữu hình	205
6.3. Kế toán tài sản cố định vô hình	206
6.3.1. Phân loại tài sản cố định vô hình	206
6.3.2. Xác định giá gốc của tài sản cố định vô hình	206
6.3.3. Kế toán biến động tài sản cố định vô hình	207
6.3.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định vô hình	208
6.4. Trình bày thông tin tài sản cố định trên báo cáo tài chính	208
<b>Chương 7: KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ</b>	223
7.1. Khái quát chung về nợ phải trả	223
7.1.1. Khái niệm	223
7.1.2. Phân loại nợ phải trả	224
7.2. Kế toán nợ phải trả ngắn hạn	225
7.2.1. Phải trả người bán	225
7.2.2. Khách hàng ứng trước	227

7.2.3. Doanh thu chưa thực hiện	229
7.2.4. Phải nộp ngân sách nhà nước	231
7.2.5. Phải trả người lao động	233
7.3. Kế toán nợ phải trả dài hạn	239
7.3.1. Nợ phải trả dài hạn	239
7.3.2. Trái phiếu	240
7.3.3. Các khoản nợ dài hạn khác	246
7.4. Trình bày thông tin nợ phải trả trên báo cáo tài chính	247
<b>Chương 8: KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	258
8.1. Khái quát chung về vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp	258
8.1.1. Khái quát chung về các loại hình doanh nghiệp	258
8.1.2. Khái niệm vốn chủ sở hữu	261
8.2. Kế toán vốn đầu tư của chủ sở hữu	263
8.2.1. Kế toán vốn góp của chủ sở hữu	263
8.2.2. Kế toán cổ phiếu quỹ	266
8.2.3. Kế toán cổ phiếu ưu đãi	269
8.3. Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận	270
8.3.1. Khái quát chung về lợi nhuận và phân phối lợi nhuận	270
8.3.2. Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận	273
8.4. Kế toán các quỹ của doanh nghiệp	276
8.5. Trình bày thông tin vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính	277
<b>Chương 9: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	289
9.1. Khái quát chung về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	289
9.1.1. Khái niệm Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	289
9.1.2. Tác dụng của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	290



9.2. Cấu trúc của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và phương pháp lập	291
9.2.1. Phân loại dòng tiền	291
9.2.2. Cấu trúc của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	294
9.2.3. Trình tự lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	296
9.3. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp	297
9.4. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp	307
<b>Chương 10: GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	331
10.1. Khái quát chung về phân tích Báo cáo tài chính	331
10.1.1. Khái quát về đối tượng sử dụng Báo cáo tài chính	331
10.1.2. Các yếu tố của Báo cáo tài chính	332
10.1.3. Khái niệm và ý nghĩa của phân tích Báo cáo tài chính	334
10.2. Phương pháp phân tích Báo cáo tài chính	336
10.2.1. Phân tích ngang	336
10.2.2. Phân tích dọc	341
10.2.3. Phân tích tỷ suất (hệ số)	345
10.3. Nội dung phân tích Báo cáo tài chính	346
10.3.1. Phân tích khả năng thanh toán	346
10.3.2. Phân tích khả năng sinh lợi	351
10.3.3. Phân tích cấu trúc tài chính	355
<b>Chương 11: GIỚI THIỆU VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ</b>	370
11.1. Khái quát chung về kế toán quản trị	370
11.1.1. Khái niệm kế toán quản trị	370

11.1.2. So sánh giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính	371
11.1.3. Chức năng của quản trị	373
11.2. Chi phí trong kế toán quản trị	375
11.2.1. Khái niệm và bản chất của chi phí	375
11.2.2. Phân loại chi phí và ứng dụng trong kế toán quản trị	376
11.3. Kế toán quản trị trong môi trường kinh doanh hiện đại	398
11.3.1. Các ngành công nghiệp dịch vụ	398
11.3.2. Phân tích chuỗi giá trị	399
11.3.3. Đánh giá kết quả hoạt động	403
11.3.4. Kế toán quản trị và đạo đức nghề nghiệp	406
11.3.5. Kế toán quản trị và trách nhiệm xã hội	407
<b>Chương 12: GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN</b>	422
12.1. Hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp	422
12.1.1. Khái niệm và các chức năng cơ bản của hệ thống thông tin kế toán	422
12.1.2. Các đối tượng sử dụng thông tin kế toán và yêu cầu thông tin kế toán	427
12.2. Hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công	429
12.2.1. Khái quát chung	429
12.2.2. Hệ thống chứng từ kế toán	430
12.2.3. Hệ thống tài khoản và sổ kế toán	435
12.3. Hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện máy tính hóa	449
12.3.1. Khái quát hệ thống thông tin kế toán với máy tính hóa	449
12.3.2. Mô tả hệ thống thông tin kế toán	451

